

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá Nước sạch nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-BNN-TL ngày 24/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác thu thập, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá Nước sạch nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 29/BC-SNNMT ngày 21/3/2025 về xem xét phê duyệt Kết quả Bộ chỉ số theo dõi-đánh giá nước sạch nông thôn năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2024, với nội dung như sau:

- **Chỉ số 01:** Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh: 97,63% (338.900 hộ/347.113 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 16,10% (55.883 hộ/347.113 hộ).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 81,53% (283.017 hộ/347.113 hộ).

- **Chỉ số 02:** Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn: 30,13% (104.568 hộ/347.113 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 14,46% (50.205 hộ/ 347.113 hộ).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 15,66% (54.363 hộ/347.113 hộ).

- **Chỉ số 03:** Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh: 92,64% (30.253 hộ/32.655 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 14,29% (4.668 hộ/32.655 hộ).

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 78,35% (25.585 hộ/32.655 hộ).

- **Chỉ số 04:** Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn: 15,8% (5.158 hộ/32.655 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 10,94% (3.574 hộ/32.655 hộ).

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 4,85% (1.584 hộ/32.655 hộ).

- **Chỉ số 05:** Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 80 lít/người/ngày đêm.

- **Chỉ số 06:** Tỷ lệ hoạt động của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung:

+ Bền vững: 40,6 % (54/133 công trình).

+ Tương đối bền vững: 8,3% (11/133 công trình).

+ Kém bền vững: 10,5% (14/133 công trình).

+ Không hoạt động: 40,6% (54/133 công trình).

() Tổng số công trình thống kê năm 2024 là 220 công trình, trong đó chỉ đánh giá 133 công trình được đầu tư hoàn chỉnh theo tiêu chí quy định; 86 công trình đầu tư chưa hoàn chỉnh không đánh giá; 01 công trình mới hoàn thiện, đang trong quá trình bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành nên chưa đánh giá hiệu quả hoạt động.*

(Có biểu mẫu chi tiết kết quả và phụ lục kèm theo)

Điều 2. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Cục QL&XDCT Thủy lợi - Bộ NN&MT;
- Trung tâm NS&VSMTNT;
- Lưu: VT, NNMT (đ_5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn